

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS- ST

Ngày: 20 – 12 – 2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Tạ

2. Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2019/TLST-DS ngày 03/6/2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: 89, phường A, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Minh T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 1, số 96, phường 4, quận C, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Vũ L, sinh năm 1994 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắc Nông (Ông L có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H vay nguyên đơn số tiền 982.000.000 đồng theo hợp đồng số LN1709070225560/BCT/HĐTD ngày 11/9/2017, thời hạn vay là 83 tháng (từ ngày 11/9/2017 đến ngày 11/8/2024), lãi suất 12,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích là mua xe ô tô nhãn hiệu KIA mới 100%, lãi và gốc trả vào ngày 11 hàng tháng. Ông L bà H đã trả được gốc và lãi cho ngân hàng cho đến ngày 10/8/2018 thì ngưng và quá hạn từ ngày 11/8/2018 cho đến nay, hiện gốc của khoản vay này còn là 863.679.957 đồng và lãi phát sinh.

Khi vay ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H có thể chấp các tài sản gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại CERATO, biển số: 48A-060.37, số khung 41M6HC108881, số máy G4FGGH672200, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007269 do Phòng CSGT công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/9/2017 đứng tên Lê Vũ L; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại CERATO, biển số: 48A-060.77, số khung 42A6HC107641, số máy G4NAHH402682, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007272 do Phòng CSGT công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/9/2017 đứng tên Lê Vũ L theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1709070225560/BCT/HĐTCSP ngày 11/9/2017.

Ngoài ra ông Lê Vũ L còn vay tín chấp (mở thẻ) số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất 20%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, hình thức trả lãi và gốc theo tháng, nhưng cho đến nay ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng từ ngày 11/8/2018 cho đến nay. Món vay này hiện còn số nợ gốc là 77.793.050 đồng và lãi phát sinh.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông L bà H trả nợ gốc và lãi nhưng ông bà không trả, như vậy ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông L bà H trả nợ hai món vay 863.679.957 đồng và lãi phát sinh và 77.793.050 đồng và lãi phát sinh.

Trong trường hợp ông L bà H không có khả năng trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H trình bày: Ông bà thừa nhận lời khai của đại diện nguyên đơn về 02 khoản vay là đúng. Hai ô tô thế chấp ngân hàng ông bà mua về để cho thuê lại lấy tiền trả gốc và lãi hàng tháng của hai món vay trên cho ngân hàng. Tuy nhiên đến tháng 7/2018 thì ông bà có cho ông Lê Tấn H mượn xe và ông H đã đem xe đi cầm cố và không chịu trả lại cho ông bà. Vì vậy ông bà không có tiền để trả gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng. Ông bà đã được ngân hàng thông báo về việc trả nợ nhiều lần nhưng không có tiền trả. Nay ông bà chấp nhận trả nợ cho ngân hàng đối với hai khoản vay trên, cụ thể:

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng xin trả dần mỗi tháng 20.000.000đồng cho đến khi trả xong gốc và lãi cho ngân hàng.

Đối với khoản vay tín chấp thì xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi trả xong gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 BLTTDS; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng tiền gốc: 863.679.952đồng; Vay tín chấp mở thẻ, tiền gốc: 77.793.050đồng và lãi suất theo quy định của hợp đồng tín dụng, mở thẻ đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của Ngân hàng T yêu cầu ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H trả số tiền 863.679.952đồng theo hợp đồng số LN1709070225560/BCT/HĐTD ngày 11/9/2017 và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật và số tiền vay tín chấp (mở thẻ) 77.793.050đồng và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LN1709070225560/BCT/HĐTD ngày 11/9/2017 tính đến ngày 20/12/2019 là 1.115.480.418đồng (trong đó nợ gốc là 863.679.952đồng, lãi suất quá hạn là 251.800.466đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 6 Hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký kết thì trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ thì các khoản nợ gốc đều chuyển thành khoản nợ đến hạn và kể từ ngày tiếp theo sẽ chuyển thành nợ quá hạn. Bên cạnh đó còn quy định về nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm bắt buộc cho khoản vay bị đơn

cũng không thực hiện theo đúng thỏa thuận cho nên nguyên đơn có quyền (+) cộng thêm 2% vào lãi suất trong hạn để tính lãi, phương thức điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 03 tháng/01 lần trong kế ước nhận nợ.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Do ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 01 năm 04 tháng 9 ngày tính đến ngày xét xử. Trong đó ông L, bà H đã trả được tiền gốc 9.295.788đồng, tiền lãi là 11.204.202 đồng.

Từ nhận định nêu trên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng cộng là 1.115.480.418 đồng(Tiền gốc là 863.679.952đồng, lãi suất quá hạn là 251.800.466đồng), trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với khoản vay tín chấp (mở thẻ) ngày 09/09/2017 với hạn mức 100.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng, anh L đã rút với số tiền gốc: 77.793.050đồng, từ ngày 11/8/2018 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, anh L đã không trả lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 11/8/2018 đến ngày 20/12/2019 là 01 năm 04 tháng 09 ngày.

Từ nhận định nêu trên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc đã rút là có căn cứ cần chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi quá hạn là không có căn cứ bởi lẽ, theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay giữa ngân hàng và ông Lê Vũ L đã ký kết thì lãi suất theo quy định ngân hàng, căn cứ theo Quyết định 134/2016/QĐ-TGD ngày 24 tháng 02 năm 2016 về việc Lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì đây là sản phẩm vay trung hạn mức lãi suất là 20%/năm, lãi suất nợ quá hạn được tính khi hết thời hạn 36 tháng đã ký theo hợp đồng ngày 09/9/2017. Vì vậy, ông L phải trả tổng cộng là 98.926.828đồng (Tiền gốc 77.793.050đồng, tiền lãi 21.133.778đồng).

Đối với bà Đỗ Thị H mặc dù không ký kết vào khoản vay tín chấp (mở thẻ) ngày 09/9/2017 nhưng ông L vay về tiêu dùng và bà H đồng ý cùng ông L trả khoản vay này. Vì vậy, xét thấy cần buộc bà H cùng ông L trả khoản vay này là phù hợp.

[4]. *Về xử lý tài sản đảm bảo*: Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1709070225560/BTC/HĐTCSP ngày 11/9/2017 giữa bên thế chấp là ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H và bên nhận thế chấp là Ngân hàng T đối với 02 ô tô (xe ô tô nhãn hiệu KIA số loại CERATO, Biển số 48A – 060.37, số khung 41M6HC108881, số máy G4FGGH67220 đứng tên Lê Vũ L do phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/9/2017; xe ô tô nhãn hiệu KIA số loại CERATO, Biển số 48A – 060.77, số khung 42A6HC107641, số máy

G4NAHH402682 đứng tên Lê Vũ L do phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/9/2017.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, trường hợp ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số xe ô tô số LN1709070225560/BTC/HĐTCSP ngày 11/9/2017 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông L, bà H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Sau khi ông L, bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả lại cho ông L bà H các tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1709070225560/BCT/HĐTCSP ngày 11/9/2017.

[5]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng T được nhận lại tiền án phí dân sự đã nộp.

[6]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 275, các Điều 280, 317, 318, 320 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 1.115.480.418 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số LN1709070225560/BCT/HĐTD ngày 11/9/2017. Trong đó tiền gốc là 863.679.952 đồng, lãi suất quá hạn là 251.800.466 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông L, bà H vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số LN170907225560/BTC/HĐTD ngày 11/9/2017, cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông L, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1709070225560/BTC/HĐTCSP ngày 11/9/2017 để thu hồi nợ. Trường hợp

sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông L, bà H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Sau khi ông L, bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả lại cho ông L bà H các tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1709070225560/BCT/HĐTCSP ngày 11/9/2017.

Buộc ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T đối với khoản vay tín chấp mở thẻ tổng số tiền là 98.926.828đồng (Tiền gốc 77.793.050đồng, tiền lãi 21.133.787đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông L, bà H vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất là 20%/năm. Từ ngày 10/9/2020 ông L, bà H phải chịu lãi suất quá hạn do ngân hàng quy định, cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Vũ L và bà Đỗ Thị H phải nộp 48.432.217đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng T 20.122.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001335 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R’lấp;
- Chi cục THADS H. E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh